TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 17/2019/ KDTM-ST Ngày 16-10-2019 V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính và ông Nông Hữu Dần

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST-KDTM ngày 07/6/2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn số 30/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: x đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Nguyên H – Chức vụ: Giám đốc A – Chi nhánh E, Đắk Lắk.

Địa chỉ: vvv đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

(*Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng N*)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V

Cùng địa chỉ: x/x đường T, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Bà Trần Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hữu V vắng mặt)

3. Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu P

Địa chỉ: x/x đường T, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

(Anh Nguyễn Hữu P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Lê Nguyên H trình bày:

Ngày 13/10/2016 bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V ký kết hợp đồng tín dụng số 5222LAV2016000535 với Ngân hàng N – chi nhánh E, Đắk Lắk (Ngân hàng) để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng.

Mục đích vay: Kinh doanh vật liệu xây dựng

Phương thức trả gốc và lãi: 01 lần vào ngày 13/10/2017

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 240464273/HĐTC ngày 13/10/2016 tại Văn phòng công chứng Đại An, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột ngày 13/10/2016, để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530xxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 14/9/2007 đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T, thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 23, diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình từ khi vay vốn đến nay, bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V chưa trả được cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào. Mặc dù phía ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc cũng như tạo điều kiện nhưng bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V vẫn không thực hiện việc trả nợ theo đúng cam kết.

Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.877.333.333 đồng, trong đó, Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng, Nợ lãi: 277.333.333 đồng (tính đến ngày 20/4/2018) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt điểm nợ.

Trường hợp bà T – ông V không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án tuyên xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 05/10/2018 Bị đơn ông Nguyễn Hữu V trình bày:

Ngày 12/10/2016 vợ chồng ông V có ký kết hợp đồng tín dụng số 5222LAV2016000535 với Ngân hàng N – chi nhánh E, Đắk Lắk để vay số tiền

1.600.000.000 đồng, lãi suất 9,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng; Mục đích vay: Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Nay Ngân hàng N – Chi nhánh E khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông bà phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.877.333.333 đồng, trong đó, Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng, Nợ lãi: 277.333.333 đồng (tính đến ngày 20/4/2018) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt điểm nợ. Vợ chồng ông xác định đã vi phạm thời hạn trả nhưng do làm ăn không thuận lợi nên ông xin trả cả gốc và lãi cho Ngân hàng chậm nhất vào ngày cuối tháng 10/2018. Trường hợp đến hạn trả nợ, vợ chồng ông không trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530xxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 14/9/2007 đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T, thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 23, diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 240464273/HĐTC ngày 12/10/2016, được công chứng ngày 13/10/2016 và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột ngày 13/10/2016.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2019 bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày: vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N Chi nhánh E, để vay số tiền 1.600.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh vật liệu xây dựng, lãi suất 9,6%/ năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 13/10/2016.

Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông bà có ký hợp đồng thế chấp để thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530xxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 14/9/2007 đứng tên vợ chồng ông bà tọa lạc tại phường TN. Nay Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền 1.877.333.333 đồng tạm tính đến ngày 20/4/2018 và lãi cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà đồng ý. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Đề nghị đến hạn thanh toán không được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530404 tại địa chỉ x/x đường T, phường TN, thành phố B, đây là tài sản riêng của vợ chồng ông bà không liên quan tới các con.

Tại bản tự khai ngày 05/8/2019 Người có quyền nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Anh là con của ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T. Bố mẹ anh có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng N, chi nhánh E để vay số tiền 1.600.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên bố mẹ anh có thế chấp với ngân hàng tài sản là nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ x/x đường T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số AI 530xxx do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày

14/9/2007. Đây là tài sản riêng của bố mẹ anh, anh không có công sức đóng góp cũng như không có quyền đối với tài sản này. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bố mẹ anh trả tiền nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định; Nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Hữu V vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Nguyên đơn Ngân hàng N, bị đơn bà Trần Thị Thanh T và người có quyền nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nợ gốc: Xét việc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng N – Chi nhánh E số tiền 1.600.000.000 đồng, mục đích vay: kinh doanh vật liệu xây dựng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 9,6%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 14,4% là có căn cứ được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 5222 LAV201600535 ký ngày 13/10/2016.

Cũng tại bản tự khai của bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu V tại Tòa án, ông bà cũng thừa nhận, vợ chồng ông bà có ký vay Ngân hàng N số tiền 1.600.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5222 LAV201600535 ký ngày 13/10/2016. Do hoàn cảnh khó khăn nên đến hạn chưa trả được gốc và lãi cho Ngân

hàng đúng hạn nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng N khởi kiện thì ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được gia hạn thanh toán nợ.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, pháp luật của nhà nước. Theo nội dung hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì ông V và bà T phải thanh toán nợ cho nguyên đơn, với thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 13/10/2016; nhưng đến nay phía bị đơn ông V, bà T chưa thanh toán được tiền lãi và chưa trả được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng. Như vậy bị đơn ông V, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 1.600.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Xét hợp đồng vay tài sản các bên có thỏa thuận lãi suất 9,6%/ năm và mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 14,4%/năm. Việc thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất trong hạn chưa trả**:**

- Lãi suất trong hạn từ ngày 13/10/2016 đến ngày 13/10/2017 là 365 ngày:

1.600.000.000đồng x 9,6%/12/30 x 365 ngày = 155.733.333 đồng.

Lãi suất quá hạn chưa trả:

- Lãi suất quá hạn tính từ ngày 13/10/2017 đến ngày 16/10/2019 là 734 ngày:

1.600.000.000đồng x 14,4%/12/30 x 734 ngày = 469.760.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi ông V, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N là 155.733.333 đồng + 469.760.000 đồng = 625.493.333 đồng. (sáu trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và lãi suất ông V, bà T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N là: 1.600.000.000 đồng nợ gốc + 625.493.333 đồng nợ lãi (tính đến ngày 16/10/2019). Tổng cộng là: 2.225.493.333 đồng. (Hai tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng)

Ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5222 LAV201600535 ký ngày 13/10/2016 kể từ ngày 17/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[2.3] Về xử lý đối với tài sản thế chấp:

Để đảm bảo khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5222 LAV201600535 ký ngày 13/10/2016, ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T đã ký hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất số 240464273/HĐTC ngày 13/10/2016, công chứng ngày 13/10/2016 được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột ngày 13/10/2016 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của hộ ông V và bà T gồm thửa đất số 196 (cũ là 11), tờ bản đồ số 23 (cũ là độc lập), diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 299 và Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T trả đủ toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho ông V, bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530xxx do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 14/9/2007 cho hộ ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T (thuộc thửa đất số 196 (cũ là 11), tờ bản đồ số 23 (cũ là độc lập), diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T không trả được số nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 196 (cũ là 11), tờ bản đồ số 23 (cũ là độc lập), diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 240464273/HĐTC ngày 13/10/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng, ông V và bà T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng N.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể là: 72.000.000 đồng + (2% x {2.225.493.333 đồng – 2.000.000.000 đồng})= 76.509.866 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí DSST nên hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 34.160.000 đồng do Ngân hàng N đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003991 ngày 04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 299, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

- Áp dụng Điều 4, Điều 56, khoản 1 Điều 58 nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về các giao dịch bảo đảm.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban tường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T phải trả Ngân hàng N số tiền 2.225.493.333 đồng (*Hai tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*), trong đó, Nợ gốc: 1.600.000.000 đồng, Nợ lãi: 625.493.333 đồng (tính đến ngày 16/10/2019) và tiếp tục trả nợ lãi kể từ ngày 17/10/2019 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả nợ xong nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5222LAV201600535 ngày 13/10/2016.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 196 (cũ là 11), tờ bản đồ số 23 (cũ là độc lập), diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530xxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 14/9/2007 đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng N phải trả cho hộ ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 530xxx được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 14/9/2007 đứng tên hộ ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T, thuộc thửa đất số 196 (cũ là 11), tờ bản đồ số 23 (cũ là độc lập), diện tích 107,3m^2 đất toạ lạc tại phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho Ngân hàng N.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị Thanh T phải chịu: 76.509.866 đồng (*Bảy mươi sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng N số tiền 34.160.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*) do Ngân hàng N đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003991 ngày 04/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- CC THADS Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc